

Bản án số: 91/2019/DS-PT
Ngày: 23/5/2019
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Xương M, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp Lô 2, xã H, huyện A, tỉnh K.

Tạm trú: Số 170 Mai Thị Hồng H, khu phố 3, phường R, thành phố R, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M là Luật sư Trần Minh Hùng – Văn phòng Luật sư Trần Minh Hùng, Đoàn luật sư tỉnh K.

- Bị đơn: Bà Thị B, sinh năm: 1960 Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Trần Việt Quốc, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Tổ 14, Khu phố Sơn Tiến, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị Xương M là nguyên đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của bà Phan Thị Xương M trình bày: Vào khoảng 7-8 giờ sáng ngày 09/6/2018 bà có đến khu dân cư ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K để bán vé số, khi đến nhà ông Tư Trương (không biết rõ họ tên đầy đủ), vợ chồng ông Tư Trương mua một tờ vé số với số đuôi là 52, ngay lúc đó bà Thị B có đi xe đạp lại và hỏi bà có tờ vé số đuôi 52 không thì bà có giao một sấp vé số cho bà B và bà B nói mua một tờ số 52, bà B rút trong sấp vé số một tờ vé số và trả cho bà 10.000 đồng. Sau khi bà B vừa chạy xe đi thì bà kiểm tra lại sấp vé số và thấy thiếu một tờ vé số đuôi 52 nên bà biết bà B đã rút nhầm, bà đi kiếm bà B để đòi lại 02 tờ vé số nhưng không gặp, đến nhà thì không có nhà, đến chiều ngày 9/6/2018 thì bà biết việc bà B trúng hai tấm vé số số đuôi 52 giải đặc biệt. Đến 04 ngày sau bà có đến nhà yêu cầu trả lại tờ vé số nhưng bà B không trả mà cho bà 3.000.000 đồng nhưng bà không lấy.

Nay bà Phan Thị Xương M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thị B phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị của tờ vé số mang số 297752, ký hiệu 6k2 (số tiền là 900.000.000 đồng).

Theo lời khai của bà Thị B và đại diện theo ủy quyền của bà Thị B là ông Trần Việt Quốc trình bày: Vào khoảng 7-8 giờ sáng ngày 9/6/2018, bà B đạp xe đưa cơm cho em dâu đang làm mực về thì gặp bà M tại nhà ông Trương, bà B có hỏi và mua của bà M hai tờ vé số số đuôi 52, bà B trả cho bà M 20.000 đồng, khi đó không có ai ở đó. Đến chiều ngày 9/6/2018 thì bà B trúng giải đặc biệt, vào ngày chủ nhật thì bà B có mua thêm của bà M 2 tấm vé số nữa nhưng không trúng. Đến 2 ngày sau thì bà M có đến nhà kiểm tra bà B nói vé số của bà trúng đặc biệt và xin tiền, bà B có cho bà Mai 3.000.000 đồng nhưng bà M thấy ít nên không nhận. Sau đó bà M có làm đơn yêu cầu đề ngày 02/7/2018 và đến ngày 11/7/2018 thì Ban lãnh đạo ấp mời hai bên lên giải quyết, bà M yêu cầu bà B trả $\frac{1}{2}$ giá trị tờ vé số trúng là 900.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý. Bà B xác nhận có quen biết với bà M từ trước, vì bà M thường bán vé số gần nhà và thường đến nhà bán vé số vì bà B cũng là khách quen mua vé số của bà M.

Nay bà B không đồng ý theo yêu cầu của bà M vì bà đã mua của bà M hai tờ vé số số đuôi 52 và đã trả đủ tiền xong.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Xương M về việc yêu cầu bà Thị B có nghĩa vụ hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ tờ vé số trúng thưởng cho bà tương đương số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bồi thường chi phí theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2018 bà Phan Thị Xương M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà B trả lại giá trị $\frac{1}{2}$ tờ vé số trúng với số tiền là 900.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà Phan Thị Xương M và Luật sư nêu quan điểm tranh luận cho rằng: Việc bà B chỉ mua một tờ vé số có đuôi 52 và trả 10.000 đồng cho bà M nhưng lại rút 02 vé có nhiều người làm chứng như Nguyễn Thị Cung, Lê Thị Nâu, Huỳnh Thị Tuyết, Nguyễn Thị Kim Lý. Vụ việc được ông Dư là công an xã Vĩnh Hòa Hiệp cùng ông Kiên hòa giải thì bà B thừa nhận và đồng ý trả lại cho bà M $\frac{1}{2}$ tờ vé số trúng với số tiền 900.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà M.

Về phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Phan Thị Xương M, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Vào ngày 09/6/2018 bà B có mua của bà M vé số (số đuôi 52), đài Long An với kết quả trúng thưởng giải đặc biệt là sự thật.

Xét lời khai của bà M về việc yêu cầu bà B phải trả $\frac{1}{2}$ giá trị của tờ vé số với số tiền là 900.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, do bà M có mua vé số của bà B và đã trả tiền xong, sau đó các bên không xảy ra tranh chấp về việc mua bán. Sau khi có kết quả trúng giải đặc biệt, bà M mới phát sinh tranh chấp và yêu cầu bà B trả lại tiền là $\frac{1}{2}$ giá trị của tờ vé số là không phù hợp. Bởi lẽ, giao dịch giữa bà M với bà B hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, giao dịch này đã có hiệu lực pháp luật từ thời điểm bà B nhận được vé số và bà M nhận được tiền (phù hợp với Điều 400, 401 Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015). Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà M chỉ cung cấp được một số người biết sự việc như bà Nguyễn Thị Cung, Lê Thị Nâu, Huỳnh Thị Tuyết, Nguyễn Thị Kim Lý. Tuy nhiên, căn cứ vào các Biện bản lấy lời khai, Biện bản đối chất

của Tòa án cấp sơ thẩm thì bà Cung, bà Nâu, bà Lý đều xác định “... thấy bà M có bán vé số cho bà B nhưng không biết bà M bán cho bà B bao nhiêu tờ vé số và cũng không biết bà B trả tiền cho bà M bao nhiêu tiền...” (BL 34-36; 48), còn lời khai của bà Tuyết cho rằng “...có thấy bà M bán vé số cho bà B và thấy bà B đưa tiền cho bà M 10.000 đồng...” và tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2018 bà Tuyết khai “bà B cuộn tròn tờ 10.000 đồng đưa cho bà M” trong khi tại Biên bản đối chất ngày 01/11/2018 bà Tuyết xác định “...bà B rút tờ 10.000 đồng xếp làm tư đưa cho bà M...” (BL 33; 48). Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà Tuyết khai bà đứng phía sau bà B và thấy bà B rút tờ 10.000 đồng từ trong cái bóp nhỏ đưa cho bà M nên tờ tiền cong cong, trong khi bà M khai tại lúc bán vé số cho bà B thì bà Tuyết đang đứng sau lưng của bà M. Như vậy lời khai của những người biết sự việc đều không rõ ràng, riêng lời khai của bà Tuyết trước sau có sự mâu thuẫn không chính xác, hơn nữa bà B cũng không thừa nhận sự có mặt của bà Tuyết tại thời điểm mua vé số nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời khai của bà Tuyết.

[2] Mặt khác, qua xác minh ông Danh Dự - Trưởng công an và ông Nguyễn Trung Kiên - công an viên xã Vĩnh Hòa Hiệp là những người trực tiếp giải quyết yêu cầu của bà M, cũng như tại Biên bản hòa giải của ban lãnh đạo ấp S ngày 11/7/2018 về việc tranh chấp tờ vé số trúng, đều khẳng định không có việc bà B thừa nhận sẽ trả lại cho bà M ½ giá trị tờ vé số trúng thưởng với số tiền là 900.000.000đ, trong khi bà M không còn chứng cứ nào khác chứng minh. Hơn nữa, sau khi bà B mua vé số thì bà M không thông báo hay yêu cầu ánh âm, tổ chức nào có thẩm quyền ở địa phương ghi nhận sự việc bà B có lấy dư hơn 01 tờ vé số để làm cơ sở giải quyết nếu có phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét giao dịch mua bán giữa bà M với bà Bé xác lập và có hiệu lực từ ngày 09/6/2018, nhưng tại phần Quyết định của bản án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 là không cần thiết. Tuy cấp sơ thẩm có sửa chữa bổ sung bản án nhưng cần phải theo đúng biểu mẫu được hướng dẫn trong tổ tụng dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc vận dụng áp dụng pháp luật.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không chấp nhận quan điểm của Luật sư; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phan Thị Xương M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các điều 400, 401 và 430 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Xương M về việc yêu cầu bà Thị B hoàn trả lại ½ tờ vé số trúng thưởng với số tiền là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

2- Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Xương M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 39.000.000 đồng nhưng bà M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 19.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006586 ngày 30/07/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh K. Theo đó, bà M còn phải nộp thêm số tiền là 19.500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Phan Thị Xương M phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0009412 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

